

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/5/2019

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tô Thị Lành

2. Ông Bạch Quảng

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 830/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc *“Yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh H, sinh ngày 09/11/1984;
Địa chỉ: Số 29B đường H, tổ 14, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1970
Địa chỉ: Số 72 đường H, tổ 14, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trần Thị Thanh H trình bày:

Chị với anh Nguyễn Minh T đã tự nguyện sống chung với nhau và đăng ký kết hôn từ ngày 10/7/2002 tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống với nhau, anh Nguyễn Minh T không có trách nhiệm chăm lo cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ, con, không hòa hợp với nhau về tính cách và cuộc sống dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị và anh Tâm đã sống ly thân từ năm 2017, không còn quan tâm chăm sóc lẫn

nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau. Hiện nay chị cảm thấy không thể chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh T có 02 con chung tên là Nguyễn Văn D, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2001 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2004. Ly hôn, nguyện vọng của chị là muốn được nuôi cả hai đứa con. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu, chứng cứ chị Trần Thị Thanh H đã cung cấp cho Tòa án: 01 Sổ hộ khẩu (Bản phô tô chứng thực); 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Thanh H (Bản phô tô chứng thực); 02 Giấy chứng nhận kết hôn (Bản phô tô + Bản chính); 01 Giấy khai sinh cháu Nguyễn Văn D (Bản sao); 01 Giấy khai sinh cháu Nguyễn Văn S (Bản sao).

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất như lời trình bày của chị H về hôn nhân, về thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, về con chung. Trong quá trình chung sống với nhau, anh T thừa nhận hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức nghiêm trọng. Hiện nay chị H yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng anh cảm thấy còn tình cảm yêu thương với vợ, con nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung tên là Nguyễn Văn D, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2001 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2004. Nếu chị H nhất quyết ly hôn thì nguyện vọng của các con muốn sống với bố hay với mẹ cũng được vì các con đã trên 07 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành các hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải, thông báo, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Trần Thị Thanh H ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn D, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2001 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2004 cho chị Trần Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình.

Về án phí: Chị Trần Thị Thanh H là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự. Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì chị Trần Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Minh T, tranh chấp về nuôi con chung. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn là anh Nguyễn Minh T có nơi cư trú tại số 72 đường H, tổ 14, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Minh T có đăng ký kết hôn từ ngày từ ngày 10/7/2002 tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Trần Thị H khai thì trong quá trình chung sống với nhau, anh Nguyễn Minh T không có trách nhiệm chăm lo cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ, con dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện nay chị cảm thấy không thể chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

[3] Xét nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa chị H và anh T là do Nguyễn Minh T không có trách nhiệm chăm lo cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ, con dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau, anh T cũng thừa nhận là trong quá trình chung sống với nhau hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do chị H thường có tính tự ái dẫn đến vợ chồng có xích mích với nhau. Hơn nữa, khi mâu thuẫn, bất đồng xảy ra thì không bên nào đưa ra được biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, làm cơ sở cho việc đoàn tụ. Tòa án cũng đã triệu tập anh T để tiến hành hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ với nhau và để giải quyết vụ án nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy, anh T đã không còn yêu thương đối với chị H và không quan tâm đến tình cảm vợ chồng cũng như việc xây dựng tổ ấm gia đình. Đến nay chị H khẳng định không còn tình cảm yêu thương anh T nữa nên chị vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Tòa án cũng đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng tại nơi cư trú của hai vợ chồng chị H và anh T. Tại biên bản xác minh ngày 11/3/2019, ông Phan Sỹ Nhuận-Tổ trưởng tổ 14, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai đã cung cấp thông tin như sau: *“Chị Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Minh T có đăng ký thường trú tại tổ 14, phường Phù Đồng, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, việc vợ chồng mâu thuẫn với nhau và nguyên nhân của sự mâu thuẫn thì vợ chồng không báo với Tổ trưởng. Do vậy, tổ trưởng không biết được nguyên nhân của sự mâu thuẫn giữa hai vợ chồng”*.

Từ nhận định trên thấy rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung tên là Nguyễn Văn D, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2001 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2004. Ly hôn, nguyện vọng của chị là muốn được nuôi cả hai đứa con. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Còn đối với anh T thì có ý kiến là nếu chị H nhất quyết ly hôn thì nguyện vọng của các con muốn sống với bố hay với mẹ cũng được vì các con đã trên 07 tuổi.

Xét các cháu Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn S hiện nay đã hơn 07 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì *“nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Tại bản tự khai, các cháu đều có nguyện vọng muốn sống với mẹ, cụ thể các cháu đã khai như sau:

Cháu Nguyễn Văn D khai: *“Cháu là con của mẹ Trần Thị Thanh H và ba là Nguyễn Minh T. Hiện nay ba và mẹ cháu đang mâu thuẫn và đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nếu bố mẹ cháu ly hôn nguyện vọng của cháu là muốn được sống với mẹ vì con yêu thương mẹ vì mẹ chăm sóc con nhiều hơn”*.

Cháu Nguyễn Văn S khai: *“Cháu là con của mẹ Trần Thị Thanh H và ba là Nguyễn Minh T. Hiện nay ba và mẹ cháu đang mâu thuẫn và đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nếu bố mẹ cháu ly hôn nguyện vọng của con là được sống với mẹ vì mẹ chăm sóc con nhiều hơn”*. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Hiếu phù hợp với nguyện vọng của các cháu Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn S nên giao các cháu cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh H là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh H xin ly hôn anh Nguyễn Minh T.

Tuyên Xử:

1. Cho chị Trần Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Minh T.

2. Giao các cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2001 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2004 cho chị Trần Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình. Chị Trần Thị Thanh H không có yêu cầu anh Nguyễn Minh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Chị Trần Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004353 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Như vậy, chị Trần Thị Thanh H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Trần Thị Thanh H có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với anh Nguyễn Minh T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

- UBND Phường Y, thành phố P;
- Lưu hồ sơ.

Rmah HThuyền